

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/2013/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 20 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành
sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh Lào Cai
giai đoạn 2014 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 13/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2014 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại tờ trình số 209b/TTr-SNN ngày 20/12/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng

Quyết định này Quy định chính sách hỗ trợ đối với sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014 - 2020.

2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất các loại sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản an toàn thuộc danh mục sản phẩm được hỗ trợ do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành tại Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông

ngiệp, lâm nghiệp, thủy sản và các sản phẩm đặc thù của địa phương, cụ thể:

- Sản phẩm trồng trọt: Rau, quả, chè, lúa, nấm.
- Sản phẩm chăn nuôi: Lợn, gia cầm, ong.
- Sản phẩm thủy sản: Cá rô phi, cá hồi, cá tầm.

Ngoài các sản phẩm trên, trong quá trình thực hiện được bổ sung danh mục sản phẩm để phù hợp với yêu cầu sản xuất khi đủ điều kiện.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, sản phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn (gọi chung là sản phẩm VietGAP) là sản phẩm thuộc một trong các loại sau:

1. Sản phẩm được sản xuất phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành.
2. Sản phẩm được sản xuất phù hợp với VietGAP do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc GAP khác được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho áp dụng.
3. Sản phẩm được sản xuất phù hợp với các tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho áp dụng.

Điều 3. Điều kiện để được hỗ trợ chính sách

Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản phải có đủ các điều kiện sau:

1. Áp dụng VietGAP trong sản xuất sản phẩm được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận.
2. Có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm.
3. Có dự án được UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 4. Chính sách và phương thức hỗ trợ

1. Ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí cho điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản áp dụng tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ không quá 50% kinh phí đầu tư cho xây dựng, cải tạo kết cấu hạ tầng: Giao thông, hệ thống thủy lợi, trạm bơm, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước của vùng sản xuất tập trung; nhà xưởng, thiết bị chế biến, vật tư sản xuất (nhưng không quá 1 tỷ đồng trên một dự án được UBND tỉnh phê duyệt).

3. Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; dạy nghề cho lao động nông thôn áp dụng tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt trong sản xuất, sơ chế sản phẩm an toàn theo các quy định hiện hành.

4. Hỗ trợ một lần (100% kinh phí) đối với việc thuê tư vấn, tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp giấy chứng nhận sản phẩm an toàn theo tiêu chuẩn thực hành

nông nghiệp tốt.

5. Chi phí chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất, chế biến nông sản và thủy sản áp dụng theo Quyết định số 33/2012/QĐ-UBND ngày 03/8/2012 của UBND tỉnh Lào Cai về việc quy định chính sách khuyến khích ứng dụng khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

6. Hỗ trợ 1% tổng kinh phí của dự án để quản lý kiểm tra, giám sát cho các dự án VietGAP được UBND tỉnh phê duyệt.

7. Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại theo quy định tại Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại Quốc gia.

8. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư sản xuất, sơ chế sản phẩm áp dụng tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt ngoài việc được hưởng chính sách quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 4 Quyết định này còn được hưởng các chính sách hỗ trợ và ưu đãi khác theo các quy định hiện hành.

Điều 5. Nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Ngân sách Trung ương hỗ trợ thông qua các dự án, chương trình mục tiêu về áp dụng VietGAP và các dự án, chương trình mục tiêu khác có liên quan; kinh phí khuyến nông; kinh phí sự nghiệp khoa học.

2. Nguồn ngân sách địa phương được lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ từ các chương trình, dự án của Trung ương; vốn sự nghiệp khoa học công nghệ; vốn sự nghiệp nông nghiệp thuộc ngân sách địa phương.

3. Nguồn vốn ODA và các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện quyết định này; hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện chính sách và các vướng mắc, phát sinh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo, giải quyết.

b) Hàng năm, tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện trên địa bàn tỉnh, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư bàn thống nhất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt.

c) Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, xác định các vùng có đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản theo VietGAP; tham mưu, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy hoạch các vùng sản xuất tập trung đủ điều kiện áp dụng VietGAP trên địa bàn.

d) Chủ trì thẩm định, xét duyệt dự án, đối tượng đăng ký hỗ trợ thực hiện các dự án VietGAP từ ngân sách của địa phương và trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt làm căn cứ thực hiện. Đánh giá, đề xuất tổ chức chứng nhận sản xuất sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGAP.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất với các Bộ, ngành Trung ương thông qua các chương trình, dự án để hỗ trợ đầu tư kinh phí xây dựng, cải tạo kết cấu

hạ tầng (giao thông, kênh mương tưới tiêu, điện hạ thế) cho vùng có đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản tập trung đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn VietGAP; xây dựng các Chương trình, Dự án về áp dụng VietGAP được hỗ trợ từ ngân sách Trung ương.

e) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án VietGAP thuộc thẩm quyền; Quý IV hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan căn cứ kế hoạch, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, lập và ưu tiên phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện chính sách theo Quyết định này.

b) Thẩm định dự toán báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao dự toán kinh phí hỗ trợ và cấp phát kinh phí theo quy định cho các đơn vị thực hiện.

c) Ban hành văn bản hướng dẫn việc lập dự toán, thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng được hưởng lợi chính sách.

d) Kiểm tra, giám sát tình hình thanh quyết toán và thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch và ưu tiên phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản; lồng ghép các Chương trình, Dự án khác có liên quan để đầu tư, hỗ trợ cho các dự án VietGAP trên địa bàn.

4. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Hỗ trợ thực hiện tư vấn và chứng nhận VietGAP cho các cơ sở tham gia sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký nhãn hiệu hàng hóa đối với các sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nước và nước ngoài, hỗ trợ đổi mới công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

c) Ưu tiên bố trí nguồn vốn sự nghiệp khoa học hàng năm để hỗ trợ các hoạt động xây dựng, bảo hộ thương hiệu; sở hữu trí tuệ; thực hiện các đề tài, dự án về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng các mô hình sản xuất, chế biến nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

5. Sở Công Thương và Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại tỉnh căn cứ kế hoạch hàng năm định hướng chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại về phân phối, tiêu thụ sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP và vận động tuyên truyền người tiêu dùng sử dụng sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn cơ sở thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) hoặc cam kết bảo vệ môi trường và các nội dung có liên quan đến lĩnh vực quản lý.

7. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lào Cai chỉ đạo các Ngân hàng Thương mại trên địa bàn tỉnh ưu tiên bố trí nguồn vốn vay cho các chương trình, dự án sản

xuất sản phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn quản lý.

b) Xây dựng dự án và đề xuất kinh phí cụ thể về phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn.

c) Chịu trách nhiệm hỗ trợ và quyết toán kinh phí đã thực hiện theo hướng dẫn của sở, ngành; kiểm tra, giám sát việc sản xuất và sử dụng vốn theo chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn.

d) Định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện chính sách trên địa bàn về Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính.

9. Định kỳ hàng năm, các đơn vị có liên quan và các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí hỗ trợ cơ sở sản xuất sản phẩm nông lâm thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 7 hàng năm để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

10. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh hoặc cần bổ sung, các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

Điều 7. Khen thưởng, kỷ luật

1. Các tổ chức, cá nhân hộ gia đình tham gia thực hiện sản xuất sản phẩm nông lâm và thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP; tổ chức sử dụng có hiệu quả nguồn hỗ trợ theo Quyết định này được đề nghị UBND các cấp khen thưởng theo quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân hộ gia đình, có hành vi vi phạm chính sách này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định. Nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài Nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Lào Cai và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và được áp dụng kể từ ngày 01/01/2014./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Doãn Văn Hưởng